PHẦN VĂN BẢN KHÁC

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 228/QĐ-TTg *Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2014*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 13-KL/TW ngày 28 tháng 10 năm 2011 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Kết luận số 13-KL/TW ngày 28 tháng 10 năm 2011 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 13-KL/TW ngày 28 tháng 10 năm 2011 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trong vùng đồng bằng sông Hồng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

KẾ HOẠCH
TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾT LUẬN SỐ 13-KL/TW NGÀY 28 THÁNG 10 NĂM 2011 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ TIẾP TỤC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 54-NQ/TW NGÀY 14 THÁNG 9 NĂM 2005 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG, AN NINH VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG ĐẾN NĂM 2010 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2020

(Ban hành theo Quyết định số 228/QĐ-TTg ngày 10 tháng 02 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ)

Để triển khai thực hiện Kết luận số 13-KL/TW ngày 28 tháng 10 năm 2011 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020, Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 13-KL/TW của Bộ Chính trị (sau đây gọi tắt là Kế hoạch) để làm căn cứ chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương trong vùng tổ chức thực hiện nhằm đưa vùng đồng bằng sông Hồng thực sự trở thành trung tâm kinh tế chất lượng cao, trung tâm lớn về văn hóa, khoa học, giáo dục, y tế và giao dịch quốc tế của cả nước với những nội dung như sau:

I. PHẠM VI THỰC HIỆN

Vùng đồng bằng sông Hồng (sau đây gọi tắt là Vùng) gồm 11 tỉnh, thành phố: Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình và Thái Bình.

II. MỤC TIÊU

1. Xây dựng vùng đồng bằng sông Hồng và vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ là địa bàn tiên phong của cả nước thực hiện các "đột phá chiến lược", tái cấu trúc kinh tế, đổi mới thành công mô hình tăng trưởng, trở thành một trong những đầu tàu của cả nước về phát triển kinh tế (bao gồm cả kinh tế biển), góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế; gắn kết chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với bảo đảm công bằng xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân và từng bước thu hẹp khoảng cách chênh lệch về mức sống giữa các địa phương trong vùng; cải thiện môi trường sinh thái; tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, bảo đảm ổn định chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

2. Huy động tối đa sức mạnh tổng hợp, phát huy triệt để tiềm năng, lợi thế để xây dựng vùng đồng bằng sông Hồng thực sự trở thành trung tâm kinh tế, văn hóa, giáo dục - đào tạo, y tế, khoa học và du lịch chất lượng cao. Tập trung nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ vào phát triển sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh tế và giá trị cạnh tranh của các sản phẩm chủ lực trong vùng. Khuyến khích phát minh, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất, chất

lượng của sản phẩm. Thực hiện chính sách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; ưu tiên sử dụng và đãi ngộ đối với nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao.

3. Phấn đấu tốc độ tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2011 - 2020 đạt khoảng 9,6%/năm; GDP bình quân đầu người đến năm 2020 của Vùng bằng 1,3 lần mức trung bình của cả nước; tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân mỗi năm khoảng 1 - 2%,… Bảo đảm đạt được các mục tiêu theo Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 795/QĐ-TTg ngày 23 tháng 5 năm 2013.

III. CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố vùng đồng bằng sông Hồng căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được phân công, chỉ đạo tổ chức triển khai toàn diện, đồng bộ, các nhiệm vụ về đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh theo Kết luận số 13-KL/TW của Bộ Chính trị, tập trung vào một số nội dung sau:

1. Xây dựng cơ chế liên kết phối hợp giữa các địa phương để điều phối các hoạt động chung trong Vùng nhằm giải quyết những vấn đề mang tính chất vùng và liên vùng, đồng thời phát huy tối đa lợi thế của từng địa phương; tiếp tục rà soát, điều chỉnh công tác quy hoạch bảo đảm sự phát triển gắn kết, hài hòa giữa các tỉnh, thành phố.

2. Duy trì tốc độ tăng trưởng hợp lý, bền vững; phát triển có trọng tâm, trọng điểm đối với một số ngành mũi nhọn có khả năng tạo động lực và dẫn dắt các ngành khác phát triển. Ưu tiên hỗ trợ đối với vùng sản xuất lúa gạo nhằm đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, hạn chế việc chuyển đất lúa để làm công nghiệp, đô thị, giữ gìn, bảo vệ đất trồng lúa. Hình thành và phát triển một số sản phẩm chủ lực của Vùng mang thương hiệu Việt Nam, có sức cạnh tranh quốc tế. Chú trọng đẩy nhanh tốc độ phát triển các tỉnh Nam đồng bằng sông Hồng, phát huy tốt hơn nữa vai trò đầu tàu của vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và vai trò của trục động lực phát triển kinh tế: Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh trong việc phát triển kinh tế của Vùng.

3. Tập trung nguồn lực phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng có trọng tâm, trọng điểm, phân kỳ đầu tư hợp lý, bảo đảm cân đối đủ nguồn lực đầu tư, tránh đầu tư dàn trải. Kết hợp chặt chẽ đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi với phát triển mạng lưới đô thị và điểm dân cư nông thôn. Huy động mọi nguồn lực đầu tư (vốn trong nước, vốn FDI, vốn ODA, vốn vay các tổ chức tín dụng quốc tế...) với đa dạng hóa hình thức đầu tư (BTO, BOT, PPP,...) để đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành các công trình, dự án trọng điểm của Vùng, đặc biệt là hệ thống hạ tầng tạo sự kết nối liên Vùng và giữa Vùng với cả nước như đường cao tốc, cảng biển, cảng hàng không, các tuyến đường sắt hiện có,...

4. Tăng cường đầu tư giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực nhất là nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển của Vùng và cả nước; tiếp tục đầu tư xây dựng các trung tâm nghiên cứu, đào tạo, y tế chất lượng cao đạt trình độ khu vực và quốc tế ở Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Hà Nam... Đẩy nhanh tiến độ di dời trường đại học, bệnh viện ra khỏi trung tâm Thủ đô Hà Nội; mở rộng quy mô một số bệnh viện đa khoa và chuyên khoa đang quá tải; phát triển mô hình bệnh viện vệ tinh tại các tỉnh để giảm tải cho các bệnh viện tuyến Trung ương; củng cố mạng lưới các cơ sở y tế dự phòng từ Trung ương đến địa phương, các cơ sở khám chữa bệnh y học cổ truyền; chú trọng phát triển lĩnh vực y tế tư nhân.

5. Xây dựng một số thiết chế văn hóa lớn tầm cỡ khu vực và quốc tế mang đặc trưng nền văn hóa văn minh sông Hồng; hoàn thiện những thiết chế thể thao quốc gia để đáp ứng nhu cầu văn hóa tinh thần của nhân dân, góp phần tổ chức các sự kiện văn hóa lớn của Vùng, đất nước và quốc tế, đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ các giải thi đấu thể thao của đất nước, khu vực và quốc tế (trong đó có ASIAD 18 năm 2019). Phát triển kinh tế với bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, các di sản thiên nhiên, các nhu cầu an sinh và trật tự an toàn xã hội.

6. Thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng xanh, sạch, phát thải thấp, tăng cường khắc phục ô nhiễm, cải thiện môi trường, phù hợp với điều kiện biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

7. Nâng cao thu nhập của người lao động và chất lượng cuộc sống dân cư; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế và bảo đảm quốc phòng - an ninh, giữ vững chủ quyền của Tổ quốc.

8. Tiếp tục rà soát, thực hiện các giải pháp cụ thể nhằm tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa các địa phương trong Vùng và đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong khuôn khổ quy định của pháp luật. Tăng cường thông tin, liên kết, phối hợp, hỗ trợ giữa các địa phương trong việc thu hút đầu tư nước ngoài, hợp tác kinh tế, giao lưu thương mại; xây dựng lộ trình phù hợp trong thực thi, tuân thủ các cam kết quốc tế.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ nhiệm vụ của Kế hoạch này và theo chức năng, nhiệm vụ được phân công, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố vùng đồng bằng sông Hồng chỉ đạo xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện của Bộ, ngành, địa phương mình trong giai đoạn 2014 - 2020 theo sự phân công của Chính phủ và cụ thể hóa thành các nhiệm vụ trong kế hoạch công tác hàng năm. Cụ thể như sau:

a) Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương liên quan:

- Xây dựng cơ chế, chính sách điều hành, phối hợp, hợp tác phát triển giữa các địa phương trong vùng đồng bằng sông Hồng và giữa Vùng với các vùng khác trong cả nước; Xây dựng một số cơ chế chính sách, đặc thù đối với tỉnh Quảng Ninh.

- Xây dựng chương trình xúc tiến đầu tư thu hút các nguồn vốn FDI, ODA cho Vùng để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế, xã hội, xóa đói giảm nghèo, trong đó có các chương trình, dự án ưu tiên; nghiên cứu thí điểm đầu tư theo hình thức PPP tại một số địa phương và đầu tư theo hình thức BTO, BOT đối với một số dự án hạ tầng giao thông;

- Rà soát, điều chỉnh quy hoạch kinh tế - xã hội, các khu công nghiệp, khu chế xuất, các khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của Vùng đến năm 2020;

- Nghiên cứu và báo cáo Chính phủ cơ chế đầu tư và hỗ trợ đầu tư các dự án mang tính chất vùng và liên vùng đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao cho sự phát triển chung của vùng đồng bằng sông Hồng;

- Tập trung cân đối nguồn lực để thực hiện các dự án, chương trình trọng điểm quốc gia, có tính đột phá, có sức lan tỏa toàn Vùng.

b) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương liên quan:

- Hoàn thiện Quy hoạch nông nghiệp nông thôn vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2020 trong điều kiện biến đổi khí hậu, nước biển dâng; rà soát, điều chỉnh quy hoạch phòng chống lũ và hệ thống đê điều sông Hồng, sông Thái Bình; triển khai thực hiện Quy hoạch phòng, chống lũ và đê điều hệ thống sông Đáy;

- Ưu tiên chống ngập úng cho các đô thị lớn như thành phố Hà Nội, thành phố Hải Phòng.

c) Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương liên quan:

- Xây dựng Quy hoạch phát triển giao thông vận tải vùng đồng bằng sông Hồng; hoàn chỉnh quy hoạch chi tiết đường Vành đai 5 - vùng Thủ đô Hà Nội;

- Tiếp tục hoàn thành nâng cấp các tuyến quốc lộ, đường sắt; triển khai thực hiện đầu tư đường cao tốc, trục đường ven biển. Thực hiện các giải pháp đồng bộ và quyết liệt để giải quyết tình trạng giao thông tại các đô thị lớn như Hà Nội, Hải Phòng;

- Tập trung đầu tư nâng cấp và xây dựng các công trình trọng điểm của Vùng như: Đẩy nhanh tiến độ xây dựng mạng lưới đường bộ cao tốc; phấn đấu đến năm 2020 hoàn thành khoảng 500km đường bộ cao tốc theo quy hoạch; xây dựng hệ thống cảng biển đồng bộ, hướng tới hiện đại, mang tầm khu vực với trung tâm là cụm cảng Hải Phòng - Quảng Ninh, trong đó tập trung phát triển cảng Hải Phòng (Lạch Huyện) thành cảng cửa ngõ quốc tế, đáp ứng nhu cầu vận tải biển quốc tế và khu vực phù hợp với quy hoạch được duyệt; nâng cấp và xây dựng mới một số cảng thủy nội địa chính, bến hàng hóa và hành khách phù hợp với quy hoạch được duyệt;

- Đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án đường sắt đô thị; ưu tiên thực hiện, sớm hoàn thành dự án đường sắt Yên Viên - Phả Lại - Hạ Long - Cái Lân. Nâng cấp, hiện đại hóa tuyến đường sắt Bắc Nam và các tuyến đường sắt liên vùng quan trọng nhằm tạo sự liên kết vùng theo đúng chiến lược, quy hoạch đường sắt Việt Nam.

d) Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương liên quan:

- Rà soát, điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng Thủ đô, quy hoạch cấp nước, quy hoạch khu xử lý chất thải rắn vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ;

- Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng cơ chế đầu tư và hỗ trợ đầu tư các dự án đầu tư xây dựng các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật mang tính liên vùng (cấp nước, thoát nước và xử lý chất thải rắn) đem lại hiệu quả kinh tế, xã hội và góp phần bảo vệ môi trường;

- Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình quốc gia chống thất thoát nước sạch; chương trình đầu tư xử lý chất thải rắn;

- Tiếp tục chỉ đạo, đôn đốc thành phố Hà Nội, các đô thị lớn trong Vùng đẩy mạnh việc phát triển nhà ở xã hội; đôn đốc các địa phương trong Vùng thực hiện hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo mới giai đoạn 2 (2011 - 2015) tại khu vực nông thôn.

đ) Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương liên quan:

- Nghiên cứu rà soát, điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển ngành công nghiệp và các sản phẩm công nghiệp chủ lực của vùng đồng bằng sông Hồng; phát triển công nghiệp hỗ trợ, phát triển và nâng cao tỷ lệ lấp đầy các cụm công nghiệp; tăng cường triển khai, thực hiện Chương trình khuyến công quốc gia. Ưu tiên triển khai các dự án đầu tư có quy mô lớn, ít thâm dụng lao động, sản xuất sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao, công nghệ sạch, tạo giá trị gia tăng cao và thân thiện với môi trường;

- Xây dựng Quy hoạch phát triển hạ tầng dịch vụ, thương mại của vùng đồng bằng sông Hồng; quy hoạch hệ thống bán lẻ, trung tâm thương mại; quy hoạch mạng lưới và sản phẩm chủ lực xuất khẩu; tăng cường triển khai, thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại;

- Tổ chức triển khai thực hiện các quy hoạch: Phát triển ngành than, thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng than vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 sau khi được phê duyệt; chỉ đạo triển khai thực hiện Quy hoạch phát triển than vùng Uông Bí, Hòn Gai, Cẩm Phả;

- Phát triển hệ thống lưới điện thông minh tại các đô thị lớn của vùng (Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh).

e) Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương liên quan rà soát, bổ sung hệ thống văn bản pháp luật, cơ chế điều hành phát triển kinh tế - xã hội

và bảo đảm an ninh, quốc phòng của vùng đồng bằng sông Hồng và bảo đảm thống nhất với hệ thống pháp luật chung của cả nước.

g) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương liên quan:

- Đẩy mạnh phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của vùng đồng bằng sông Hồng. Đầu tư xây dựng một số khu du lịch trọng điểm quốc gia và có tầm vóc quốc tế như Hạ Long - Cát Bà, Vân Đồn, Trà Cổ, Côn Sơn - Kiếp Bạc, Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam, Ba Vì - Suối Hai, Ba Sao - Tam Chúc, Tràng An - Bái Đính, Tam Đảo - Tây Thiên và các điểm du lịch quốc gia, các tuyến du lịch cấp vùng;

- Xây dựng một số công trình văn hóa, thể thao quy mô lớn, hiện đại tại Hà Nội và một số thành phố lớn của vùng đồng bằng sông Hồng;

- Hoàn thiện Quy hoạch tổng thể phát triển văn hóa, gia đình, thể dục thể thao và du lịch vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Đề án quy hoạch và đầu tư xây dựng các Khu du lịch quốc gia và Điểm du lịch quốc gia để phát huy thế mạnh của Vùng nhằm trở thành trọng điểm du lịch của cả nước;

- Tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

h) Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương liên quan:

- Tổ chức xây dựng và triển khai thực hiện Chương trình quốc gia phát triển công nghiệp công nghệ thông tin đến năm 2020, trong đó bao hàm các nội dung về phát triển doanh nghiệp, sản phẩm, thị trường, nhân lực và hạ tầng công nghiệp công nghệ thông tin cho vùng đồng bằng sông Hồng. Xây dựng khu công nghệ thông tin tập trung trọng điểm quốc gia;

- Rà soát, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác sản xuất, xuất nhập khẩu các sản phẩm, dịch vụ trong ngành thông tin và truyền thông, gắn liền với phát triển kinh tế Vùng và đảm bảo an ninh, quốc phòng.

i) Bộ Ngoại giao chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương liên quan:

- Xây dựng chương trình quảng bá chủ trương phát triển Vùng ra thế giới; hỗ trợ các địa phương trong Vùng nâng cao năng lực, phát triển quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế;

- Xây dựng kế hoạch phát triển 5 năm hợp tác kinh tế, thương mại Việt -Trung giai đoạn 2012 - 2016.

k) Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương liên quan xây dựng kế hoạch cụ thể để xử lý ô nhiễm môi trường các làng nghề, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và các lưu vực sông Cầu, sông Nhuệ,

sông Đáy hiện nay đã bị ô nhiễm nặng do chất thải của các nhà máy, xí nghiệp thải trực tiếp mà chưa xử lý hoặc xử lý chưa triệt để. Rà soát, điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất của các địa phương.

l) Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương liên quan:

- Xây dựng quy hoạch hệ thống y tế của tỉnh phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống y tế Việt Nam và điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh bao gồm hệ thống mạng lưới y tế dự phòng, mạng lưới khám chữa bệnh và phục hồi chức năng, mạng lưới y tế xã phường, hệ thống các cơ sở kiểm nghiệm và nguồn nhân lực y tế bảo đảm phục vụ tốt nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân trong Vùng;

- Xây dựng đề án đầu tư phát triển hệ thống cơ sở y tế dự phòng đồng bộ; đề án nâng cấp hệ thống các trường y dược và kỹ thuật y tế trên toàn quốc. Ưu tiên các trường trọng điểm (Đại học Y Hà Nội, Đại học Dược Hà Nội) và các viện nghiên cứu trọng điểm.

m) Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương liên quan di dời các trường đại học ra ngoài Thủ đô Hà Nội và xây dựng một số trường đại học chất lượng cao đạt tiêu chuẩn khu vực và quốc tế;

n) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương liên quan:

- Tiếp tục phát triển đồng bộ thị trường lao động, xây dựng cơ sở dữ liệu về thị trường lao động. Quy hoạch, đầu tư nâng cao năng lực hệ thống trung tâm giới thiệu việc làm, phát triển các cơ sở giao dịch, các hình thức thông tin thị trường lao động. Thực hiện đồng bộ các giải pháp xây dựng quan hệ lao động hài hòa, lành mạnh; tăng cường kiểm tra, giám sát, nắm bắt và giải quyết kịp thời các tranh chấp lao động, nhằm giảm thiểu các vụ đình công, lãn công của người lao động trong doanh nghiệp;

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch mạng lưới cơ sở dạy nghề về quy mô, cơ cấu cấp trình độ, ngành nghề đào tạo đến năm 2020 phù hợp với quy hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của từng tỉnh, từng thành phố trong Vùng đáp ứng nhu cầu lao động kỹ thuật chất lượng cao cho thị trường lao động trong nước, xuất khẩu lao động và chuyển dịch cơ cấu lao động, tăng thu nhập cho người lao động góp phần đảm bảo an sinh xã hội.

o) Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương liên quan hoàn tất quá trình chuyển đổi các tổ chức khoa học và công nghệ công lập sang hoạt động theo cơ chế tự chủ, hướng vào thị trường; hỗ trợ và đẩy mạnh việc hình thành các doanh nghiệp khoa học và công nghệ;

p) Các Bộ, ngành khác: Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch thuộc lĩnh vực quản lý; chủ động đề xuất các chính sách, các giải pháp nhằm huy động các nguồn lực để đẩy nhanh tiến độ đầu tư các công trình trọng điểm của ngành, các công trình có tính liên vùng để bảo đảm các mục tiêu đã đề ra tại Kết luận số 13-KL/TW của Bộ Chính trị;

q) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong Vùng chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan:

- Rà soát lại các quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, khu đô thị trên địa bàn đến năm 2020;

- Xây dựng kế hoạch đầu tư cụ thể, xác định rõ các lĩnh vực ưu tiên của từng địa phương, từ đó đưa ra giải pháp về huy động và sử dụng vốn giai đoạn 2013 - 2015 và 2016 - 2020. Nhân rộng Chương trình nông thôn mới và có chính sách đảm bảo an ninh lương thực cho vùng đồng bằng sông Hồng;

- Chủ động bố trí ngân sách để xử lý ô nhiễm môi trường, đầu tư xây dựng các cơ sở xử lý rác thải cho cả Vùng, thực hiện các chính sách an sinh xã hội và xử lý các nhu cầu phát sinh đột xuất như thiên tai, dịch bệnh,…

- Cần chủ động trong hội nhập quốc tế và phát triển quan hệ đối ngoại, giao lưu trao đổi kinh nghiệm phát triển cũng như quảng bá hình ảnh tới bạn bè quốc tế.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan quản lý Kế hoạch triển khai thực hiện này có trách nhiệm giúp Thủ tướng Chính phủ:

a) Chủ trì hướng dẫn, chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch;

b) Hướng dẫn các Bộ, ngành và địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng kế hoạch, tiến độ cụ thể và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ bảo đảm theo đúng các mục tiêu của Kế hoạch đề ra;

c) Định kỳ 6 tháng, hàng năm tổ chức kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm, trên cơ sở đó sơ kết, tổng kết để báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo đúng tiến độ thực hiện Kế hoạch;

d) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương liên quan báo cáo đề xuất trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ trong trường hợp cần thiết./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

DANH MỤC

MỘT SỐ NHIỆM VỤ CHỦ YẾU TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾT LUẬN SỐ 13-NQ/TW NGÀY 28 THÁNG 10 NĂM 2011 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ CỦA CÁC BỘ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 228/QĐ-TTg ngày 10 tháng 02 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Cơ quan chủ trì	Nội dung thực hiện	Cơ quan phối hợp	Hình thức văn bản	Thời gian trình
1	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Xây dựng một số cơ chế, chính sách đặc thù đối với tỉnh Quảng Ninh	Các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	2014
2	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Rà soát, điều chỉnh Quy hoạch phòng chống lũ và hệ thống đê điều sông Hồng - sông Thái Bình	Các Bộ, ngành và các địa phương liên quan	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	2014
3	Bộ Giao thông vận tải	Quy hoạch phát triển giao thông vận tải vùng đồng bằng sông Hồng	Các Bộ, ngành và các địa phương liên quan	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	2014
4	Bộ Công Thương	Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng than đồng bằng sông Hồng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	Các Bộ, ngành và các địa phương liên quan	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	2014
5	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Rà soát Quy hoạch sử dụng đất của các địa phương giai đoạn đến năm 2020	Các Bộ, ngành và các địa phương liên quan	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	2015
6	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Quy hoạch tổng thể phát triển văn hóa, gia đình, thể dục thể thao và du lịch vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	Các Bộ, ngành và các địa phương liên quan	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	2014 - 2015

STT	Cơ quan chủ trì	Nội dung thực hiện	Cơ quan phối hợp	Hình thức văn bản	Thời gian trình
7	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố vùng đồng bằng sông Hồng	Rà soát lại các quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố			
		Xây dựng kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản cụ thể của địa phương giai đoạn 2014 - 2015 và 2016 - 2020, trong đó xác định rõ các lĩnh vực ưu tiên, giải pháp về huy động và sử dụng vốn cho từng chương trình, dự án trình Chính phủ			
		Cập nhật các dự báo, xem xét lại khả năng hiện thực, xác định lại cơ cấu kinh tế theo hướng phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương; gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm và đảm bảo phát triển bền vững			

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng